

Tôi có bạn thân làng xa. Sinh viên xuất sắc của một trường đại học lớn. Niềm kiêu hãnh của cả plây. Đột ngột anh bỏ về. Chỉ sau hai năm. Một khủng hoảng tinh thần nổ ra trong anh. Câu chuyện xảy đến xung quanh niềm tự hào dân tộc. Anh luôn tự hào là Chăm, về Chăm với xúc nối ngậy thơ tuổi trẻ. Nhưng rồi anh bị cú sốc tinh thần đầu tiên trong cuộc đời. Khi một bạn nữ cùng lớp yêu cầu anh kể chuyện đời một văn nhân Chăm anh kể phục nhất, tác phẩm văn chương anh thích nhất... Một trận gió lạnh chợt thổi tràn vào khoảng trống ngực anh.

Anh bỏ về.

Nhân vật đầu tiên của chúng ta coi như tạm lui vào hậu trường ở đây.

*

Mười lăm năm sau. Câu chuyện khác. Một nhà nghiên cứu văn chương ở Sài Gòn trên đường ra Hà Nội tạt qua Phan Rang thăm Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm. Chén tác chén thù, ông cũng nhận được niềm tự hào tương tự từ một vị Chăm trung niên. Nhà nghiên cứu tinh lễ này đã dắt tay vị khách vào tận kho sách với những bản photo chất lỏp, nhìn tận mắt hàng ngàn thước microfilm, từng dãy danh mục văn bản cổ chép tay. Anh hứa hẹn với người của Trung ương rằng còn có cả mấy trăm truyện cổ, mấy chục ngàn tục ngữ, ca dao được lưu truyền trong các plây Chăm nữa. Đó là một nền văn học khổng lồ đang bị mai một. Vì thiếu kinh phí đầu tư khai thác.

Nhưng khi nhà nghiên cứu đặt câu hỏi: đã có chương trình cụ thể sưu tầm vốn văn học dân gian chưa? và các anh sẽ xử lý ra sao với kho tư liệu văn chương này? thì ông chợt thấy sự thất vọng chảy tràn hai mắt người đối thoại.

Cả vị nghiên cứu người dân tộc này cũng không phác nổi một chân dung dù mơ hồ nhất về văn học Chăm.

*

Giai thoại kể trong hang núi thuộc vùng Cà Ná đang chứa một kho sách khổng lồ từ hai thế kỷ nay. Nền hang được phủ dày bằng lớp cát trắng phát sáng. Cửa hang đóng kín mít bởi một tảng đá to mà chỉ có người Raglai làng Kunhuk - một dòng họ gia nhận trung thành của hoàng tộc Champa cuối cùng - mới mở được, bằng bài phù chú bí hiểm với lễ vật là một con dê mọc nửa gang tay sừng. Còn bao nhiêu hang động báu vật nữa đang phải chịu phủ mờ dưới mốc bụi thời gian?

Glang anak linhaiy likuk jang o hu

Bhian drap ngak ralo piov hapak khing ka thraung

(Nhìn trước, ngó sau chẳng thấy ai người)

Của cải làm ra nhiều, cất nơi đâu cho ổn).

Câu thơ mở đầu một tác phẩm nổi tiếng nhất của Chăm viết cách đây 200 năm vẫn còn nguyên giá trị thời sự. Và một câu ariya - lục bát Chăm khác trong Pauh Catwai đã mang chở dự cảm đến nao lòng.

Tal thun tapai kaik lan

Cauk ka nugar thok nau mujwa.

(Đến năm thỏ cắn bùn đất

Khóc cho đất nước trôi đi âm thầm).

Những trận gió miền Trung thổi nhẵn từng nếp trán tuổi già khuất lấp dần kí ức mù sương mờ nhạt miền cổ tích, truyền thuyết. Cả sức bay bổng thanh xuân trong cội dân ca cũng bị trĩ nặng bởi nỗi lo toan thường nhật. Từng tờ bản thảo chép công phu bóc rời khỏi ciet sách gia đình và đi lưu lạc. Trùng trùng điệp điệp.

Chúng lưu lạc nơi đâu?

Mười sáu thế kỷ sinh thành và tồn tại, có chữ viết từ thế kỷ thứ IV, lại được trời phú cho tâm hồn yêu văn chương nghệ thuật, người

Champa đã để lại cho lớp hậu sinh cả một kho văn chương.

250 minh văn, 3000 văn bản lưu lạc ở một đảo thuộc Ấn Độ Dương suốt một thế kỷ vừa được tìm thấy, một *Catalogue ghi mỗi câu đầu bài chép tay dày 200 trang do EFEO phát hành năm 1980, hàng mấy ngàn thước phim đang được Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm - Ninh Thuận lưu giữ...* Chưa là gì cả so với những gì người Chăm đã để lại.

Ồi cái cả quyết đến liều lĩnh của ngài học giả người Pháp Paul Mus. Dù uy tín của ngài to lớn cỡ nào, nhưng khi ngài phán rằng văn chương Chăm chỉ có thể thu tóm trong vài mươi trang sách, nghĩa là không có gì đáng nói cả thì chả có một Chăm nào tin ngài. Ngay vợ thằng tôi mười lăm tuổi đầu đang ngồi lớp Chín ở một trường nghèo trong một tỉnh nghèo trên một đất nước nghèo đang bị chiến tranh tàn phá.

Tôi không tin Paul Mus! Nhưng lấy cái gì làm chứng cho cái không tin của tôi? Thế là vì tự ái dân tộc tôi phải đi. Một dân tộc sản sinh ra bao nhiêu là cụm thập kì vĩ như thế kia thì không thể nào không là gì cả trong văn học được.

Tôi phải đi. Dù trong tay tôi không có một mảnh văn bản nào. Ch với mớ chữ nghĩa được chạ dạy thuở thơ bé. Và chỉ với thi phẩm Ariya Glang Anak mà tôi thuộc nằm lòng lúc thiếu thời qua những đêm trăng miên thôn dã plays *Palau - Hiếu Thiện ông ngoại tôi nằm đọc ngân những lúc gà gáy sáng.*

Tôi phải đi. Dù chưa thấy trên lối đi bóng cây cho tôi dụi nắng. Nhưng tôi biết trước mắt mình là một khu rừng hoang đưng chứa bao nhiêu hoa quả lạ, ngọt.

Thế là tôi đi. Với cái hưng phấn kỳ lạ. Những mùa hè, những ngày chủ nhật "xuất trại" ký túc xá Trường trung học nội trú Pô - Klong. Thế bạn học về quê tìm đến những khuôn mặt nông dân - trí thức mà tuổi trẻ tôi xem như vĩ nhân. Có thầy Thiên Ve lý giải Ariya Glang Anak; có nghe Nãi Cùi - Thành Tín diễn tả trận thư hùng giữa Samulak và Murno ở chân núi Chà Bang, có nghe Nguyễn Tùng - Phước Nhơ ngâm đọc Ariya Nau Ikkak với giọng ngâm đặc kì Chăm ra sao... thì mới thấy hết niềm đam mê cùng sức tưởng tượng sáng tạo của người dân quê Chăm đối với văn chương như thế nào. Tôi nghe, mở to mắt mà nghe.

Thành kiến người Chăm ích kỉ không cho nhau sách mượn thì rất u thiếu căn cứ. Văn hóa Chăm chưa phát triển ngành in nên có một tác phẩm cầm tay là việc cực khó. Mới cách đây 50 năm thôi, muốn có một Akayet Deva Murno, người đọc Chăm phải chờ đến nhà người chép sách cạ một xe trâu thóc (800 kg), và nghề chép sách trở thành một nghề rất được trân trọng. Nên các bản thảo được xem như là một gia bảo. Họ cất cẩn thận vào ciet baung (loại ciet lớn hình chữ nhật, khác ciet hình vuông đựng bánh trái) và treo lên sà ngang ngay giữa nhà. Định kỳ, họ mang ra phơi nắng, và cúng bái thành kính dù chỉ với lễ vật đơn sơ. Sách luôn được sử dụng. Để quá lâu không dùng thì sách trở thành sách hoang - tapuk bhav. Nó là gia bảo thiêng liêng, nên không thể trao tay cho kẻ lười nhác được.

Riêng với cậu bé thư sinh, ăn mặc xuề xòa, đôi mắt rực sáng lên khi thấy sách thì không. Bao nhiêu sách họ định lấy xuống, giăng giải về nếu ngủ lại qua đêm, họ sẵn sàng đãi cơm như một vị khách quý.

Và tôi cặm cụi chép. Trịn trọng như một cụ non. Những ngày sôi động của cuộc Tổng tiến công mùa xuân năm 1975. Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố tử thủ Ninh Thuận. Lính tráng, xe tăng, rocket. Cháy kho xăng phi trường Thành Sơn. Bom đạn gầm rú. Tôi vẫn chép.

Sau giải phóng, nghỉ học nguyên một năm để chờ học lớp 12 niên khóa mới, tôi có thời gian để lang thang tìm đến thế giới chữ nghĩa Chăm.

Những tháng cuối năm 76, tôi với hai anh bạn cùng quê - Trắng Tiến - có những ngày thật thơ mộng ở quê hương. Ngày mùa, chúng tôi vác bó cam, xoong chảo ra đồng bẫy chuột và ăn ngủ luôn ngoài đồng. Mỗi người có một thế giới riêng tưởng tượng và giao cảm. Trắng chuyên nói têu, cái têu rất Chăm nghĩa là khá tục. Tiến đọc thơ và thạc thảo về thiên tiểu thuyết dự án. Còn tôi mơ mộng về chữ nghĩa đang nằm rũ dưới lớp bụi năm tháng. *Ciet sách* của thần sinh anh Trắng cụ Huỳnh Phụng đầy tác phẩm văn chương. Chữ của ông cụ vừa chắt phưng vừa hoa mỹ nên những kẻ mới nhập làng chữ như tôi rất dễ đọc.

Khác hẳn với lối viết tháu của ông cụ ở Bàu Trúc - Hamu Crauk mà bạn Toán dẫn tôi thâm nhập vào tháng 11 lịch Chăm đầy gió sau đó

Quả là một loại chữ viết hành hạ người đọc đầy cố ý. Để giấu chữ padap akhar, Akayet Inra Patra có thể bị cắt khúc và chép thành nhiều tập khác nhau. Tôi phải mày mò từng chữ, dò dẫm từng câu mà *pachan inu - lý giải theo văn cảnh mới biết đâu là p - d, nh - kh, g - l..* Nên muốn đi vào khu rừng văn học viết Chăm mà chưa qua ải ngỗ ngữ cổ thì đừng hòng. Đây là sai lầm ngớ ngẩn của các tác giả đã công bố văn bản Akayet Deva Murno bằng chữ Latinh ở Malaysia 1989.

Lại một chuyện cổ tích nữa: vị tiến sĩ ngôn ngữ học tương lai của cộng đồng Chăm cộng tác với nhà báo Nguyễn Thông đã nỗ lực chứng minh trên báo Thanh Niên số ra ngày 14 - 3 - 1998 rằng tháp Chăm không phải do người Chăm làm, chỉ vì hiểu sai văn bản.

Chúng tôi đọc được trên bia kí tháp Po Klaung Garai các dòng chữ cõ nội dung miệt thị người Chăm vùng Panduranga. Không lý gì người Chăm xây tháp lên để miệt thị mình...

Anh có thật sự nghĩ như vậy không? Ai đã xúi anh?

Có phải anh "đọc được" chữ Chăm cổ viết cách nay 7 thế kỷ? Nội dung có hết thế không? Anh mới nắm được đuôi chuột mà vội la lên để chop được đầu bò. Nguyên tác câu văn:

... vì người Chăm vùng Panduranga ngu ngốc, ngang bướng, luôn chống lại hoàng đế tối cao. Cuối cùng ngài phải thân chinh đến. (Họ muốn tôn người Panduranga lên ngôi vua. Bằng trí thông minh khéo léo của mình, Ngài đã chinh phục được tất cả...

Nên nhớ rằng văn bia được viết vào thế kỷ XIII, vương quốc Champa bao gồm nhiều tiểu vương quốc với chính quyền Trung ương ở Amaravati cai trị. Tháp do triều đình dựng để toàn dân thờ phụng. Giọng văn của hoàng đế có quyền uy tối cao với thần dân mình như thế là chuyện rất bình thường. Và có lẽ dân Panduranga còn hãnh diện nữa là đằng khác. Vì thế họ mới dám phản kháng lại bất công. Nếu không thế họ phải đập đổ bia kia đi khi chính quyền trung ương suy yếu, và nhất là lúc Đồ Bàn sụp đổ vào 1471, khi chỉ có tiểu vương quốc Panduranga là còn sức mạnh quân sự và văn hóa đáng kể của Champa. Đó là chưa nói đến chuyện trên Đồi Trầu - Bbon Hala này có vài thế hệ bị ký khác nhau.

Tháng giêng năm 1993. Phan Rí.

Tôi và ông Lương Đức Thắng, mỗi người một chiếc xe đạp mượn người gió đạp qua làng Yok Yang tìm gặp một thầy Kadhar. Thấy tôi ăn mặc bảnh bao như công tử thành phố, mặc dù ông Thắng rất uy tín trong vùng, thầy Kadhar vẫn không muốn tiếp chúng tôi.

- Các vị chỉ có bòn rút chữ nghĩa ông bà Chăm rồi đem bán cho ngoại nhân.

Ông nói rồi bỏ ra sau nhà thay quần áo vừa đi rừng về và ở lì luôn phòng trong. Bà vợ năn nỉ mãi ông mới ra tiếp khách. Nhưng ông không cho chúng tôi tư liệu hay thu bài hát mà chỉ đọc cho nghe ariya Nội dung đại ý triển khai một ý tưởng lớn trong Glang Anak:

Adat kay-v phun hapak jruh tak nan

O kan jruh pak bikan, drei tacei vớk di drei

(Đạo của cây là gốc ở đâu thì rụng ở đấy)

Nếu rụng nơi đâu khác thì mình tự hại mình).

Ông bảo đây là bài thơ rút từ văn bản cổ của cổ ngoại để lại. Một giọng thơ đầy niềm tự hào của anh nhà nông "thất học"!

Tôi nhẹ gật. Dù tôi biết đây là sáng tác mới, có lẽ của chính ông Lục bát Chăm không gieo vần như lục bát Việt hiện đại, nghĩa là vần chữ cuối câu sáu hiệp với chữ thứ sáu câu tám mà lại hiệp ở chữ thứ tư. Và gieo cả vần bằng lẫn vần trắc. Một số thành tố trong bài thơ trên đã tổ giác điều đó.

Ông muốn giấu mặt để bài thơ có mặt. Tuyệt tác văn chương là linh khí trời đất kết tủa. Người Chăm nghĩ thế nên hầu như toàn bộ nền văn chương Chăm thiếu bóng tác giả. Cả các sáng tác gần đây cũng thế. Một cái tên ngẫu nhĩ thì không là gì cả trong vô cùng không gian và vô tận thời gian. Albert Einstein có thể là Jean Einstein hoặc cũng có thể là Albert Umstin. Có chết chóc ai đâu kia chứ!

Để tăng tính sấm kí, người Chăm sẵn sàng đẩy Pauh Catwai lùi xa đến 500 năm dù nó chỉ mới được sáng tác vào đầu thế kỷ 19. Và chẳng ai lấy làm lạ khi có người cả quyết rằng Akayet Inra Patra có trước truyện Kiều đến 6 thế kỷ dù tác phẩm này chỉ ra đời trước truyện thơ của Nguyễn Du chưa tới 200 năm.

Cơ sự này đã gây cho tôi bao nông nổi. Nên người làm công tác văn học sử Chăm cần thật cẩn trọng xem xét các ý kiến ngẫu hứng về thời điểm ra đời của các tác phẩm. Ở khía cạnh này, ngôn ngữ học cấu trúc giúp đỡ được rất nhiều.

Năm 1977. Tôi vào làm sinh viên Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Hành trang mang theo là hai vali đầy những Heidegger, Nietzsche, Jaspers... và dĩ nhiên cả trăm bản chép tay văn phẩm Chăm. Quả là một gã hoang tưởng nặng. Rồi chưa đầy năm, tôi bỏ giảng đường. Đó là một tính cách đặc kì Chăm. Một tự do vô chính phủ. Các bạn tôi cũng bằng ngần ấy thời gian đã bỏ Đại học để rỏ hồng chân ở thực tế. Song hành với đặc tính này, Chăm còn tồn tại dạng theo gru - thầy và chỉ biết có gru, ngoài ra không ai cả.

Lang thang. Phan Thiết - Phan Rang - Nha Trang - Sài Gòn... Đọc Long Thọ và Krishnamurti. Một con số không to tướng di động không định. Bao nhiêu công lao bỏ lại Sài Gòn không cho ai. Bạn bè sinh viên tổ chức vượt biên hụt. Bao nhiêu sách, bản chép tay bay đâu không hiểu. Chúng rơi vào tay ai? Có ai biết yêu quý, nâng niu nó như nhữ vật tội nghiệp của chúng ta không?

Người lưu lạc xô văn chương lưu lạc.

Điều trần ai nhất là trong đồng bản chép tay ấy có một tác phẩm hầu như đã thất truyền. Ariya Bini - Cam, một truyện thơ mà giáo sư Phan Đăng Nhật liệt vào một trong những chuyện tình hay của văn chương nhân loại.

Bản chép tay mất, tôi chỉ nhớ lại phần đầu và phần cuối với chưa đầy một nửa nguyên tác. Chao ôi là oái oăm. Một ông thầy đáng kính đã bảo tôi lão, tự sáng tác ra rồi dịch ra tiếng Việt. Thật thế ư? Có bất công với tiền nhân và oan cho Sara không? Tôi hỏi lại: chứ thầy có đọc Akayet Pram Madit Pram Malak chưa? Thầy bảo đó là một *chuyện cổ dalikal* chứ không phải sử thi. Còn Akayet Sri Bikan?

- Tôi chưa nghe ai nói đến nó bao giờ?
- Cả Ariya Bini - Cam nữa?
- Có nghe nói nhưng chưa bao giờ được đọc.
- Vậy tại sao Gérard Moussay bảo là Chăm có năm Akayet: Deve Muno, Inra Patra, Um Murup và hai sử thi vừa nêu? Nhà nghiên cứu người Pháp này có lão không, thưa thầy? Em thì em không tin thế, dù em chưa thấy mặt mũi chúng ra sao ngoài 3 Akayet mà thầy cũng đã biết. Vì em còn sưu tầm được một Akayet nữa, có văn bản hẳn hoi từ trong ciset sách của một gia đình ở Mỹ Nghiệp.

Chiến tranh từ bên ngoài và nội chiến, cái sự mất mát gia bảo, tình trạng cát cứ của các gru, các vùng, rồi hơn 200 năm lưu lạc. Chừng ấy sách vở chữ nghĩa sưu tầm được dù chưa thấm thía vào đâu, cũng để nói lên cái giàu sang của văn học Chăm. Nhưng nó có giàu sang đến độ khổng lồ như nhân vật thứ hai ở đầu truyện đã khẳng định?

Giữa bạt ngàn chữ và lời, đâu thuộc phạm trù văn chương? Văn chương có thể là bản tụng ca thánh thần trong cõi siêu việt hay chỉ nó về sinh hoạt thường nhật của chị thợ dệt hay anh nông dân; có thể mô tả một viễn tượng thiên đàng trần gian hay tiệc nuôi một thời đã mất; có thể hát ca về kì tích oanh liệt của một dân tộc hay chỉ muốn cảm thông với một trượt ngã của sinh thể yếu đuối; có thể khai phá vào tư tưởng uyên hay chỉ muốn nắm bắt một cái đẹp đơn giản thoáng qua; phô bày cái thiện hay tố giác cái ác; xã hội hay tự nhiên; sâu lắng hay thanh thoát; vòng vo hay trực diện... Dù gì thì văn chương phải lay động cõi tim ta, thức giấc trí ta qua cái đẹp của lời. Các sách dạy về cách tính sakavi - lịch không là văn chương dù chúng được thể hiện bằng văn vần. Các bài phù chú, công văn của triều đình, bài cúng tế... không thuộc phạm trù văn chương.

Kho tàng văn chương Chăm có thể kể:

- Văn bia ký: khoảng 100 trên 250 minh văn, sáng tác từ thế kỷ I đến thế kỷ XV.
- 5 akayet - sử thi, tráng ca.
- Trường ca trữ tình: Ariya Bini - Cam, Ariya Cam - Bini, Ariya Sah Pakei, Ariya Muryut...
- Thơ thể sự: Ariya Glang Anak, Pauh Catwai, Adauh Tơy Lơy, Ariya Po Parang, Ariya Kalin Thak Va, Ariya Twơr Phauv...
- Thơ triết lý: Ariya Nau Ikak, Ariya Jadar.

- Gia huấn ca: Ariya Ptauv Adat Likei, Ariya Patau Adat Kamei Ariya Muk Thruh Palei.

Đó là văn chương bác học (văn học thành văn). Văn chương bình dân có:

- Hơn 100 bài ca lịch sử - damnury do Ong Kadhar hay Ong Mudwon hát trong các lễ Rija. Dù các bài tụng ca này đã được ghi thành văn bản nhưng trong lúc diễn ngâm, nghệ nhân vẫn có thể tái tạo linh hoạt. Độ dài của mỗi bài từ 20 đến 150 câu lục bát - Ariya Cam

- Gần 50 bài ca dao - panwoc padit.

- Khoảng 1500 câu tục ngữ - panwoc yav, câu đố - panwoc padau.

- Hơn 100 truyện cổ, truyền thuyết - dalikal. Và cả các sáng tác cận đại nữa.

Chúng ta có quyền hãnh diện về nó.

Đó là di sản thâm trầm của ông cha ta, đóng góp xứng đáng vào nền văn học đa dân tộc Việt Nam.

- Nhưng so với kiến trúc và điêu khắc Champa thì nó không thể ngang tầm. Anh bạn nghiên cứu sinh nói với vẻ hui hui tự đắc như sắp sàng thường ngoạn sắc mặt tôi lúc thất thế.

- Đúng hơn là chưa ngang tầm. Vì văn chương là phần chìm của tảng băng. Nó tồn tại sinh động trong tâm hồn dân tộc. Nó không lệ thiên nhờ và qua dạng vật chất nên khó nhận ra. Này nhé, chúng ta để có chương trình cụ thể và quy mô sưu tầm - nghiên cứu văn chương bình dân chưa? Chúng ta đủ người có khả năng đọc và phân loại các văn bản chép tay hiện có? Cả các văn bản chép tay đang bị treo mờ trong ciet sách gia đình? Hầu như chưa, phải không?

Vậy mà văn chương Chăm vẫn cống hiển giọng nói riêng, lạ. Sử th Chăm mang màu sắc thần thoại ẩn Độ thấm đượm triết lý Balamôn và Hồi giáo, là điều chưa hề có trong văn học sử Việt Nam. Chuyện tình trái ngang, bi đát bởi hai khắc tôn giáo (Balamôn - Hồi giáo) là hiện tượng chỉ có mặt trong văn chương Chăm. Cả dòng thơ chính luận triết luận như Glang Anak hay Pauw Catwai cũng thế.

Luôn luôn đúng chưa hẳn hay hơn phạm sai lầm nếu sai lầm đưa ra đến tình ngộ và phục thiện.

Hà Nội cuối năm 1995. Trời khá rét. Đối với dân xứ nóng như chúng tôi thì thật bất tiện. Nhưng sự hưng phấn được cùng anh em Viện nghiên cứu Đông Nam Á qua thăm làng dệt Vạn Phúc đã làm chúng tôi quên cái lạnh ngập tràn đường phố thủ đô. Đến đón tôi và Hani là Trương Sĩ Hùng.

- à Inrasara. Ông đã phê tôi đấy nhé. Nhưng ông phê đúng - Đó là câu đầu tiên anh làm quen với tôi. Thật quý hóa tinh thần vị phò tiền sĩ văn học kiêm thi sĩ này.

Anh đã viết một bài bình luận văn học Chăm khá dài (dòng) trên tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á. Mà chỉ dựa vào một ấn phẩm không đáng tin cậy: Truyện thơ Chăm của Tùng Lâm và Quảng Cường dịch, NXB Văn hóa, 1982.

Cứ gì anh! Đặng Nghiêm Vạn cũng đã cho in 7 bản dịch rút từ ấn phẩm này trong Tuyển tập văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam. *Cải Tạng tập văn học Việt Nam đồ sộ là thế vẫn chọn lại chúng.*

Lỗi hồng tri thức về nền văn học dân tộc Chăm quá lớn. Chúng ta không trách các nhà này. Tiếc là người làm công tác tuyển chọn và cả nhà nghiên cứu chưa biết rằng người Chăm có đã có một dòng văn học thành văn. 7 tác phẩm nêu trên đều thuộc dòng này nên chúng có bản gốc là tất yếu. Vậy mà Tùng Lâm và Quảng Đại Cường đã không nêu ra nổi một văn bản gốc nào để đối chứng. Nghề chữ nghĩa sai một li đi một dặm là vậy.

Truyện thơ Chăm. Nghe cái tên thôi cũng làm nức lòng anh em Bar biên soạn sách chữ Chăm - Thuận Hải, từ lão làng là bác Lâm Nài chèo đến cái thằng tôi mới hai mươi tuổi đầu. 7 truyện chữ ít ỏi đâu!

Trước đó, chưa có gì cả. Cả trước 1975 nữa. Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm quy tụ hầu như đầy đủ khuôn mặt trí thức Chăm xung quanh G. Moussay cũng chỉ cho ra đời 3 tập lẻ bằng chữ Chăm truyền thống - akhar *thrah*. Glang Anak và Deva Murno chỉ được Thiên Sanh Cảnh dịch cho đăng nhiều kỳ trên nội san Panrang ra thất thường.

Háo hức buổi đầu bao nhiêu chúng tôi càng thất vọng bấy nhiêu khi đọc xong nó...

- Cần phải phát vào mông vài roi cho mỗi dịch giả - Tôi không nhớ đó có phải là nguyên văn câu nói của bác Lâm Nài không. Chỉ nhớ rằng sau đó ít lâu, Quảng Đại Cường tự thú rằng anh đã chỉ "dịch" các thi phẩm theo trí nhớ. Vì lúc đó ở miền Bắc anh không có văn bản nào cầm tay cả.

- Thế còn các phần sau? Nó hoàn toàn không có trong nguyên tác.

- Bác thông cảm! Em phải "nâng cao" cho phù hợp với nhân sinh quan thời đại... Thôi thôi các bác bỏ qua dùm cho. Em đọc ngay đây để hầu các bác sáng tác mới nhất của em. Thế là anh bạn đọc, như một kẻ lên đồng, nhập hồn và múa may.

Tôi bất ngờ trước tài năng thơ dị kì này. Được biết trong các anh em Chăm ra Bắc tập kết, anh là một khuôn mặt sáng giá. Chỉ vì một ngộ nhận mà anh ra nông nổi. Lúc này anh chỉ biết đi lang thang và làm thơ tụng ca những người tình mộng chấp chờn trong dòng đời quá cay nghiệt.

Nhìn tổng quát, có thể chia văn học Chăm ra làm hai thời kỳ lịch sử lớn mà mốc ranh giới là thế kỷ XVII, cụ thể hơn - thời Po Rome (1627 - 1651). Các sử thi Akayet xuất hiện vào giai đoạn đầu, và xa hơn là sự phát triển phồn thịnh của văn bi kí. Đó là giai đoạn lịch sử mà vương quốc Champa còn tồn tại như là một nhà nước có chủ quyền, có một sức mạnh quân sự và chính trị đáng kể trọng khu vực. Con người sáng tác chưa bị lịch sử chạm đến trực tiếp, sẵn sàng ca hát về những nhân vật của thần thoại, các giai nhân và anh hùng tưởng tượng để làm vui lòng vua chúa hay phần nào đó an ủi tâm hồn con người ở tầng lớp dưới xã hội bị ảnh hưởng bởi chế độ tập cấp Balamôn giáo. Những cuộc biến động lớn cũng đã xảy ra, nhưng nhà văn chưa ý thức sự mạng của mình. Cùng lắm là ý thức tôn giáo có được phát khởi với sử thi Um Murup mang ít nhiều dấu ấn thực tế xã hội, nhưng sau đó không có một sáng tác nào đi theo truyền thống này.

Triều đại Po Rome sụp đổ mở ra một thời kỳ mới của văn học Chăm. Có thể chia văn học Chăm thời kì này làm ba giai đoạn.

Bước sang thế kỷ XVIII, hai tác phẩm lớn ra đời: Ariya Sah Pakei và Ariya Bani - Cam. Trong khi tác phẩm trước chỉ kể về một chuyện tình (đúng hơn - sự theo đuổi một chiều) của một người con gái thuộc dòng dõi quý tộc với một hoàng thân để nói lên nhân sinh quan Chăm, đã không dính dáng gì đến thực tế lịch sử lúc bấy giờ, thì tác phẩm sau (dù cũng là một tác phẩm trữ tình), đã mang trong mình dấu hiệu của những biến cố lớn. Giác mơ tình ái đổ vỡ của vị hoàng thân Chăm với công chúa Islam, sự mất niềm tin của quần chúng Champa với văn hóa Ấn Độ, xung đột giữa hai tôn giáo lớn dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng của vương quốc Champa, được kể bằng một bút pháp điêu luyện của một nghệ sĩ bậc thầy. Có thể nói đây là một tác phẩm đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp trong văn học sử Chăm, cả về đề tài, nghệ thuật lẫn ý thức lịch sử của người cầm bút. Đến cuối thế kỷ này và đầu thế kỷ sau, cả nền tảng xã hội Chăm bị thay đổi toàn triệt.

Giai đoạn thứ hai bắt đầu bằng sự chiếm đóng của quân đội Tây Sơn trên toàn cõi đất nước. Vương quốc Champa, trên danh nghĩa vẫn tồn tại, nhưng về thực chất, nhà vua đã hoàn toàn bị tước quyền hành. Tên nước và biên giới vương quốc bị sửa đổi nhiều lần và liên tục. Nhiều cuộc nổi dậy lẻ tẻ không định hướng của các phong trào quần chúng đã bị dập tắt.

Ariya Glang Anak ra đời khởi phát một cao trào sáng tác mới trong một xã hội sôi động những biến cố đang chực nổ tung. Đó là một cao trào văn học trong giai đoạn cuối cùng của lịch sử vương quốc. Nhà văn khám phá ra vị thế của mình trong lịch sử, biết đặt vấn đề trước chuyển biến của thời cuộc, và nhất là đã tỏ thái độ. Trong khi Ariya Twon Phauv, Ariya Kalin Thak Va, Ariya Kalin Nurthak Asaih... diễn tả với ít nhiều phê phán cuộc chiến bị thương hoặc phát động bởi các nhà cách mạng Chăm đang cô vụng vầy trong tuyệt vọng; và trong lúc Ariya Po Cọng, Ariya Po Parong... kể lại lạnh lùng tình hình xã hội Chăm lúc bấy giờ với những cường bức, bất công, những lo sợ, khốn khổ, những cuộc ly tán, những cái chết, những tội ác và hình phạt... thì tác giả Ariya Glang Anak, với thái độ của triết nhân, đã đặt lại vấn đề từ nền tảng: cần khôi phục Vương quốc hay truy tìm sinh lộ cho dân tộc trên mảnh đất yêu thương và đau khổ này? Câu hỏi được nêu lên đúng lúc và đúng trọng tâm. Và hỏi có nghĩa là đã trả lời.

Có thể nói Ariya Glang Anak có một giá trị cao vượt cả về nghệ thuật văn chương lẫn nội dung tư tưởng. Riêng về khía cạnh xã hội, nó có tính đánh động thật sự.

Ngoài dòng văn học trên, truyền thống văn học ngợi ca công đức của các vị khai quốc hay các nhân vật lịch sử dần dần rút vào tháp ngà tôn giáo, nhưng không phải vì thế mà nó không được tinh luyện bằng nét đẹp riêng của nó.

Sau biến cố Lê Văn Khôi (1833 - 1835), dân Chăm - được tở chiếu của Thiệu Trị chiếu cố - từ khắp vùng rừng núi đã trở lại cuộc sống an bình của nông thôn. Thực dân Pháp tới, rồi đất nước Việt Nam bị đặt dưới sự đô hộ của Pháp. Trong giai đoạn này, một tác phẩm trữ tình xuất hiện: Ariya Cam - Bini, kể lại một cuộc tình thủy chung, mãnh liệt nhưng bị thương của đôi tình nhân Chăm - Bani và kết thúc bằng cái chết đầy tính tố cáo của cả hai. Tiếp đó là Ariya Muryut cũng nằm trong truyền thống thơ ca trữ tình ra đời nhưng kém giá trị hơn tác phẩm trên.

Song song với hai khuynh hướng sáng tác trên, một tác phẩm thuộc dòng văn học mới ra đời, đã tạo thành một biến cố trên văn đàn Chăm lúc đó: Pauh Catwai. Bằng một giọng thơ đánh thép và bằng lối suy tu bộc trực, Pauh Catwai - đứng sau sự phê phán đối trắng thay đen của nhân tình thế thái trong một xã hội rã mục - đã đụng chạm đến cốt lõi của vấn đề xã hội Chăm lúc bấy giờ (và cả ngày nay): cần phải bảo vệ nền văn hóa của cha ông để lại. Tác phẩm ra đời đã gợi hứng cho nhiều sáng tác sau đó: 2 Pauh Catwai, 2 Hatai Paran, Dauh Toy Loy, Ar Bingu... liên tiếp xuất hiện. Cũng bằng lối đặt vấn đề như Pauh Catwai, cũng vay mượn hình thức nghệ thuật đó, nhưng hầu hết tác phẩm này dần dần đi vào bí hiểm. Chúng mang bộ mặt của sấm ký nhiều hơn là chịu chuyên chở chất liệu của thực tại cuộc sống. Người cầm bút đang tự cách ly với nguồn suối nuôi dưỡng nghệ thuật. Văn học Chăm bước vào giai đoạn suy thoái trầm trọng sau đó.

Hơi thở văn chương Chăm sau vẫn bị ký mạng chất cung đình là các sử thi, sau đó là trường ca trữ tình và thơ thể sự. Hơi thở ấy vắt qua Mudwon Jiav và đọng lại ở thời hiện đại là sáng tác đáng nhớ cuối cùng của văn chương Chăm.

Nếu các sử thi Chăm chỉ là những cốt truyện vay mượn từ Ấn Độ, Mã Lai với những địa danh, tên người và ngay cả cốt cách, lối ứng xử của nhân vật... đều mang đậm chất ngoại lai xa lạ; các sáng tác phẩm mang chứa rất ít chất văn chương hay tư tưởng, và thực tình mà xét thì còn xa chúng mới đứng ngang tầm với các sáng tác phẩm cùng thể loại trong khu vực; thì các trường ca trữ tình Chăm lại có một phẩm chất khác hẳn. 7 trường ca nổi tiếng này ra đời vào khoảng thế kỷ XVII - XIX trong bối cảnh xã hội Chăm bị phân hóa, chia xé bởi hai tôn giáo lớn Hồi giáo và Balamôn. Trong đó Ariya Bini - Cam nổi trội ở giá trị lịch sử tính khái quát và nhất là giọng thơ tuyệt kỳ của nó.

Truyện thơ kể mối tình một chiều của vị hoàng thân Chăm với cô gái Islam đến từ La Mecca để truyền đạo Hồi vào Champa. Qua những vùng đất trải dài từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Một chặng đường khốn khó, gập ghềnh, đau khổ như tâm tình của vị hoàng thân tài hoa thiếu may mắn. Chàng yêu tổ quốc nhưng lại mê đắm người con gái kiều kỳ kia. Chàng biết nếu chấp nhận nàng thì phải chấp nhận tôn giáo nàng mang đến, là từ bỏ người thân, gia đình. Chàng biết nếu chấp nhận Islam vào Champa là chấp nhận chiến tranh nổi da xáo thịt. Lòng chàng rối rắm, đời chàng xáo trộn. Chàng bất lực nhìn cuộc chiến nổ ra. Cuộc tình đổ vỡ, cùng đổ vỡ với nó là tổ quốc yêu thương của chàng.

Nhiều đoạn thơ đẹp nhất của văn chương Chăm như hội tụ nơi này. Sự đảo lộn thời gian trong truyện theo dòng hồi ức của vị hoàng thân khốn khổ này là một sáng tạo rất hiện đại của thi phẩm về mặt thi pháp mà trước đó chưa hề có trong văn chương Chăm. Càng hiện đại hơn là thể thơ ariya được dùng ở đây đã bứt ra khỏi thể ariya hiện đại Chăm có hội bung phá sau này.

Vượt trên tất cả là thơ thể sự và thơ triết lý Chăm. Suy tưởng - phá chẳng đây là thể mạnh của Chăm? Nếu Pauh Catwai thương đời mà ngao đời, cộc lốc mà đắm tình người với mỗi cặp lục bát gần như là một châm ngôn thì Ariya Glang Anak lại hội đủ tố chất của một kiệt tác tính thời sự, tính triết lý và vẻ đẹp văn chương.

Dauk mưjwa sa drei di kruh hanrai

Di kruh tathik cwah jai, halei nugar drei si nau.

(Ngồi một mình một bóng giữa cù lao

Giữa biển cả sóng trào, đâu nơi chốn ta đi?)

Mùa Đông năm 1985.

Nghe một giáo sư toán ở Đại học Đà Lạt tuyên bố vừa khám phá Chăm

sử dụng cơ sở 13 trong công trình kiến trúc, sinh hoạt..., tôi mời ông xuống Phan Rang giao lưu với trí thức Chăm. Nói giao lưu cho oai, chứ các ông Lâm Gia Tịnh, Lưu Quang Sang, Nguyễn Văn Tỷ, cả sư Hán Bàng... được mời đến chỉ an tọa trên chiếc chiếu xe trải dài giữa sân nhà tôi cạnh con sông thoáng mát. Buổi sáng tôi nói với Hani chiều nay nhà ta có mười khách quý. Dù đang thời buổi khó khăn, nhưng nâng đã hiểu ý tôi, co cẳng chạy. Phải thanh toán cho xong đồng rau muống cắt từ chiều hôm qua để kịp chở lên Phú Quý bỏ mỗi kiếng tiền chợ. Phần tôi xách ba cần câu xuất hành xuống miệt sông vùng dưới. Tôi nổi tiếng sát ngư trong làng. Xách bầu cá về, tôi đựng ngay vị giáo sư đã tới trước tôi đến cả giờ.

- Tôi rất khoái cái trán của cậu, đầy mới là thứ đầu chính trị - Ông nhìn chăm chăm tôi hồi lâu rồi trở thẳng vào tôi, nói.

- Nhỏ nhỏ chứ thầy, không khéo em bị thủ tiêu mất - Tôi bắt tay ông và cười to.

Buổi tối sau buổi tiệc canh chua cá trê với rau muống 7 món, chúng tôi vào cuộc. Trăng trong gió mát. Câu chuyện rôm rả đến gà gáy sáng. Sáng hôm sau, tôi đeo ông trên chiếc xe đạp lên Hữu Đức gặp vài trí thức Chăm uy tín khác. Hiểu thêm một mảnh đời, có thêm một người bạn để rộng thêm vòng tay. Oái ăm là các ngài đeo học vị học hàm xuống quần chúng cứ ngọt mật như ta đây ông trời con ghé trần ban phát ân huệ.

Mùa xuân năm 1992. Tôi đã có dịp tiếp kiến ông trời như thế. Vị tiến sĩ ở Sại Gòn nghe đâu có người giới thiệu, đi xe đồ ra tận Chakling tìm tôi. Ông xuống bên xe Phú Quý và nhấc tôi lên đón. Lúc đó tôi đang thủ quản cả phê nhà quê, nên nhờ thằng em đi rước. Ông khệnh khạng bước vào quán, tôi lễ phép toan đưa hai tay ra bắt thì ông vội ôm hôn tôi. Ba lần đủ đây. Như là các nguyên thủ quốc gia dự đại lễ vậy. Trời đất! Thủ tục này cha sinh mẹ đẻ tôi chưa hề làm bao giờ.

Tôi tiếp ông bốn ngày đêm ăn ở như một thượng khách. Chăm hiểu khách là vậy, dù tính tôi xưa nay ít khi vồn vã với người mới quen. Ông có quan điểm rất rộng rãi về dân tộc này, hứa này nọ như mở lớp tập huấn văn hóa Chăm cho Chăm, vân vân... Lời nói gió bay, dầu lời nói đã lọt tai khá nhiều dân quê Chăm chất phác. Sự vụ này tôi bị ông bác quở cho một trận nhớ đời.

Đàng Năng Qua kể chuyện một nhạc sĩ tưng đề tài đầu tạt qua đất Chăm nhờ ông hát oi hát hơi dân ca. Tác phẩm ra đời ông không được biểu lấy một bản gọi là. Nghệ sĩ đoảng là vậy. Có khi không là nghệ sĩ cũng đoảng chẳng kém chị thua anh. Một phó tiến sĩ dân tộc học ở Hà Nội ăn dằm ở dề plây Chăm. Thu thập mười lăm damnury - *tụng ca* Chăm có bản Việt Ngữ hẳn hoi, nhưng khi in sách cũng chẳng nêu tên người cung cấp tư liệu hay giúp đỡ mình chuyển nó sang tiếng phổ thông lấy một lần.

Tôi bị quay lưng - thrah yơng ở Phan Rí năm xưa chớ than là oan đầu nhớ!

Trở lại với hai nhân vật ở đầu câu chuyện, ngài khách sạn luôn luôn là cái hũ sẵn tay cho ta đồ thừa. Rồi thiếu kinh phí, điều kiện khó khăn... nữa.

Đến hôm nay, không một Chăm nào làm việc trong thuận lợi cả. Chúng ta sinh ra trên đồng đồ nát, lớn lên từ bùn đất, jiong đi ia kakwor jiong di barabauh - hình thành từ giọt sương từ bọt nước.

Rồi tôi ngóc đầu dậy và tôi trườn lên.

Rồi tôi rướn mình khỏi hố hang quá khứ.

Như kẻ bị thương mò tìm lối ra khỏi đồng tan hoang thành phố

Tôi tìm lại tôi - tìm thấy bóng quê hương.

Tôi đã làm việc sau ngày cày thuê nhọc mệt, sau buổi tối đi câu lãng đãng, trong cuộc hội nghị vô bổ, trước ngọn đèn cây leo lét hay dưới ánh điện sáng trưng, trên chiếc bàn gỗ nát của chời dưa hay trong văn phòng sang trọng của Đại học, giữa đám đông và trong cô đơn, trước một tin vui sắp tới hay sau nỗi buồn nát mật... Nghĩa là bất kỳ ở đâu, trong hoàn cảnh, tư thế nào vẫn có thể làm việc và sáng tạo. Hãy làm việc với nụ cười - nụ cười của Inra Patra!

Lần đầu gặp một nhà sử học nổi tiếng. Nghe tên nhưng chưa bao giờ thấy mặt dù qua ảnh, nên cuộc hẹn tạo cho tôi một phần chán quá mức cần thiết. Anh bước mạnh vào nhà hàng bình dân cạnh một khách sạn bình dân, cùng vài ba đồ đệ thân tín. Chúng tôi bắt chặt tay

nhau trong giây lâu.

- Phú Trạm hả?

- Vâng.

Thế thôi. Và anh bắt đầu thuyết. Các chương trình nghiên cứu của anh về văn học, tôn giáo, lịch sử. Anh nêu hàng loạt tên tuổi sẽ là cộng tác viên tương lai. Làm như mỗi Chăm là một nhà nghiên cứu kiến thức đầy mình. Đi lốt phốt vài plây, anh hoàn toàn thiếu thông tin về xã hội chúng tôi đang sống. Có chăng là mớ thông tin chấp vá và sai lệch... Tôi im lặng nghe, cố gắng chịu đựng đầy phép lịch sự. Tôi nghĩ nên bỏ qua cho anh bởi gần 30 năm xa quê hương nay trở về. Trong niềm vinh quang đến đau xót. Sự phấn khích nhất thời để làm chúng ta lệch lạc, nhất là với tính khí đặc sệt Chăm. Anh hỏi tôi về chương trình sưu tầm văn học dân gian. Tôi nói tại sao chỉ văn học dân gian?

- Em sắp cho ra đời bộ văn học Chăm - Tôi tuyên bố lớn lối như vậy.

- Ôi trời đất! - Anh la lên - Không thể làm nổi, không thể...

Thế là anh lại tiếp tục thuyết. Lúc này tôi nghe anh như nghe qua lớp sương mù. Qua anh, tôi thấy tuổi trẻ tôi bập bênh trôi từ plây này sang plây khác với những nông nổi, sai lầm, té ngã rồi hy vọng. Trên con đường chữ nghĩa gập gềnh này, tôi đã có khá nhiều bạn đồng hành tài năng, nhưng bởi không có cơ duyên, hầu như tất cả đã rẽ ngoặt hay rút lại. Câu nói của nhà thơ Brodsky thật thấm thía: "Không phải chúng ta lựa chọn những cuốn sách sẽ viết mà chính chúng ta lựa chọn chúng ta". Nhà sử học không biết rằng tôi đã bắt đầu từ hơn 20 năm rồi. Lẽ Chăm làm nhà là vậy, muốn mua dần mỗi năm mỗi ít nguyên vật liệu: rui, kè, cát, xi măng... trong lúc cả gia đình nheo nhóc con cái phải chạy qua mái hè hàng xóm dột mưa.

Tôi có một sợ sạnh hơi khắp khiêng. Nhưng không sao! Những người khao khát hiểu biết về nền văn chương Chăm mong được nhìn thấy sườn nhà, dù là trên bảng thiết kế. Tôi phải cung cấp cho họ sườn này. Nói thế không phải là tôi không có trong tay lưng vốn cho ngôi nhà tương lai. Cuốn Văn học Chăm - khái luận đáp ứng phần nào ý đồ. Hai cuốn tiếp đó là những mảng chuyên biệt góp phần hoàn chỉnh ngôi nhà văn chương Chăm.

- Cần gì thêm bổ sung cho ngôi nhà?

- Rất nhiều và rất lâu. Cần đi vào từng mảng, từng thể loại. Thu gom tất cả những mảnh vữa rơi rớt bị vùi lấp ở các plây Chăm, trong vùng mù sương ký ức của những bác nông dân với đôi mắt đờm buồn. Rồi từ những nguyên vật liệu này, biết đâu sườn nhà khi xưa có thể phải dàn dựng lại hay điều chỉnh ở khá nhiều góc cạnh.

Một dòng ca dao, một câu tục ngữ

Nửa bài đồng dao, một trang thơ cổ

Tôi tìm và nhặt như đứa trẻ tìm nhặt viên sỏi nhỏ

(Những viên sỏi người lớn lơ đãng dẫm qua)

Để xây lâu đài cho linh hồn tôi ngủ

Lâu đài một ngày kia họ ghé dột mưa - chắc thế!

Cần tầm lòng, phương pháp và sự kiên trì chứ không nhất thiết phải là tiền. Tiền, tiền, tiền. Không có khoản tiền nào trả cho hai bà lảng giềng của tôi chịu chửi nhau để từ đó bật ra tục ngữ, thành ngữ được! Chúng xảy ra bất chợt và bất kỳ ở đâu vương vãi trong gió cát. Chúng ta lượm lặt chúng, nâng niu chúng.

Một sinh viên ở Trường Đại học Hà Nội được trường tài trợ cho đi thực tế ở làng Chăm sưu tầm thành ngữ để làm luận văn tốt nghiệp. Sau gần một tuần đi thực địa, trong sổ tay anh chỉ ghi được 18 câu tục ngữ, ca dao trong đó hết phần nửa đã sai bét.

- Nghe anh nói thôi cũng đủ oải rồi.

- Một cuộc trường kỳ đi và trường kỳ ghi chép. Chớ có đại dột đi cãi nhau với đối tượng nghiên cứu như anh bạn nhỏ con của tôi từng làm. Bản phận của nhà nghiên cứu là hỏi. Nếu có nói là để hỏi sâu hơn thôi. Nhưng như thầy Mạnh Tử nói cái bệnh của thiên hạ là thích làm thầy đời. Ông Thành Phú Bá kể với tôi chuyện lạ tầm quốc tế rằng có một cô sinh viên Chăm đưa khoe ông luận văn tốt nghiệp về văn chương Chăm của cô mới trình xong. Đọc xong luận văn ông hỏi: - Thế cháu có gặp Inrasara chưa? - Dạ chưa - Đã đọc tác phẩm nghiên cứu nào của Sara chưa? - Dạ chưa - Đã đọc kỹ tác phẩm cổ Chăm nào không? - Cháu không biết chữ Chăm - Chứ cháu tham khảo tài liệu nào để viết luận văn? - Một bài báo của Phan Đăng Nhật giới thiệu một tác phẩm

cổ từ một tác phẩm nghiên cứu của Inrasara!

Vậy mà luận văn vẫn được điểm 8! Về cái khoản liều mạng trong khoa học của sinh viên lẩn giáo sư hướng dẫn mấy năm qua thì bia miệng thiên hạ đã tạc nhiều rồi. Cũng may chúng yên giấc nghìn thu trong kho lưu trữ. Cầu chúa ban phước lành cho chúng!

Người Chăm là dân tộc ham chơi, làm chơi, làm để chơi. Thời ruộng một vụ còn ăn nước trời, mùa gặt họ chở lúa bó lên các đặm ruộng gỗ dùng làm sân đập chắt hàng đồng theo hình vòng cung đầy mỹ thuật, vừa tránh mưa cuối năm vừa che rét bắc. Và chia đội đá bóng, khiêng trống chiêng về hò hát đến gần cả tháng mới lúc tục xỏ đồng lúa ra đập. Ham chơi thì tài năng văn học nghệ thuật để nảy mầm. Hiện tượng Mưdwon Jiav - nghệ sĩ pwoj *jal*, Mưdwon Tim - nghệ nhân chơi trống ginang kỳ tài hay Jaya Muryut Chăm - thi sĩ một bài thơ Suon bhum *Cam không* phải là hiếm. Nhưng chỉ có thế. Đất, nắng, gió Phan Rang đã không ury ái họ. Và chính họ cũng không biết tự nuôi sống. Cây nghệ thuật bắt đầu bằng những nụ hoa ham chơi kinh qua bao cuộc tình luyện nhựa ham làm nó mới kết trái chín muồi ở cuối vụ thu hoạch.

Tôi nói rằng anh em trẻ tuổi Chăm cần vứt bỏ đi gánh nặng kiêu hãnh hão của quá khứ. Ông cha ta đã có đóng góp to lớn, và chúng ta hôm nay cũng cần có công trình mới của mình.

Janurk hanim thei ngap pơh tabong

Siam dadop jhak raglong murta bboh di bauh murta

Lành dữ, thiện ác được tạo tác để thăm dò lòng người

(AGA)

- Chúng ta bắt đầu với Ariya Glang Anak, bây giờ lại trở về với Ariya Glang Anak. Nhưng anh vẫn chưa vẽ được cho tôi khuôn mặt thực của văn chương Chăm.

- Có một nhà văn hỏi tôi anh khai thác được gì ở văn hóa Chăm. Anh hỏi, làm như văn hóa Chăm là một xác chết do điều hâu tôi sà đến rĩa rức, trực lợi. Tôi nói tôi không khai thác mà ngụp lặn và lớn dậy từ giữa lòng nền văn hóa ấy để sáng tạo cái mới.

Văn chương là cách sống ở đời, là một thái độ và hồi thúc chúng ta tổ thái độ. Có thể nói là một đối tượng nghiên cứu khoa học chế sọt tóc làm tư, nhưng điều trước tiên nó nhắm đến là qua nó, chúng ta có thái độ.

Chúng ta phải học cách đi vào lòng nó với tất cả nhiệt tâm ngây dại của tuổi trẻ, thì nó mới tự mở phơi như một hiện thể chói lọi, bắt ngát. Nó sẽ không là đối tượng cho trí thức háo lẹ đến với nó bằng con mắt dòm ngó, soi mói vị lợi.

Văn chương Chăm bằng bạc trong tâm hồn quần chúng lao động Chăm. Nhưng nói như Chế Lan Viên, nhân loại còn đi xa nên nhân loại muốn có "thơ cầm tay". Ngay hôm nay tôi muốn biểu anh bốn tập thơ cầm tay rút từ bạt ngàn chữ nghĩa của nền văn chương dân tộc mình. Đó là Ariya Bini - Cam, Ariya Glang Anak, Pauh Catwai và Ariya Nau Ika. Chúc lên đường may mắn.

- Thế còn của Inrasara?

Anh hãy tự rút ra mà cầm tay. Xin giã từ./.